



MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ VÀ MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM

PGS.TS Hồ Sỹ Quý*

1. Ý nghĩa của việc đặt vấn đề về môi trường văn hoá

1.1. Những năm gần đây, con người được sống trong sự va chạm thường xuyên với các dạng văn hoá ngoại lai của thời đại toàn cầu hoá, môi trường văn hoá dường như đột nhiên trở thành cái có vai trò đáng kể hơn trong đời sống các cộng đồng. Từ châu Á đến phương Tây, từ gia đình đến quốc gia, từ các vị tín đồ sùng đạo đến những người theo trào lưu vô thần cực đoan... đâu đâu người ta cũng thấy ảnh hưởng tăng dần của những thứ văn hoá không ưa thích, trong khi đó việc gìn giữ những dạng văn hoá được coi là cần nuôi dưỡng lại tỏ ra ngày một khó khăn hơn. Triết lý “khoan dung” của UNESCO vang lên đồng thời với triết lý “bản sắc”. Một mặt, khuyến khích các nền văn hoá có bề dày truyền thống bảo vệ mạnh mẽ bản sắc riêng, mặt khác, UNESCO lại đồng thời kêu gọi các nền văn hoá hãy đề cao “khoan dung”, mở cửa, chấp nhận “cộng sinh” với các nền văn hoá khác. Không mấy ai dành thì giờ để mổ xẻ thái độ “nhị nguyên” (dualism) này. Phần đông tự bằng lòng với lập luận cuộc sống là thế, đề cao *khoan dung* là cần thiết và đề cao *bản sắc* cũng là cần thiết. Thậm chí, người ta còn chế nhạo là thiên cận hoặc máy móc nếu ai đó khó chịu vì thấy sự mâu thuẫn với nhau giữa tư tưởng đề cao *bản sắc* và tư tưởng đề cao *khoan dung*.

Thành thử không ít người đã băn khoăn tự hỏi: Ngày nay, phải chăng hoàn cảnh đã trở nên quá “khổng lồ” đối với con người, làm cho con người, nhất là con người cá nhân mỗi ngày sẽ một nhỏ bé và yếu đuối hơn, bị ràng buộc chặt hơn và bị quy định nhiều hơn... trong một xã hội không ngừng phát triển theo hướng đa chiều, đa dạng với cái “logic áp đặt” của nó? Với môi trường văn hoá, phải chăng phần mà con người không có quyền lựa chọn (buộc phải thích nghi) sẽ ngày càng

* Viện Thông tin Khoa học Xã hội.

lớn hơn phần mà mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng có thể và cần phải góp công tu sửa, xây dựng và tạo ra? Nói cụ thể hơn, văn hoá duy lý và duy nhân (anthropological) châu Âu liệu có phải đã quá “cổ điển” và già cỗi (secular) đến nỗi cần phải được thay bằng một thứ “văn hoá fastfood”, “văn hoá nồi hầm nhừ” (ast-food culture, stewing-pot culture) hay đó chỉ là “sự lựa chọn thiên cận”¹ của thời đại toàn cầu hoá? Nói một cách khác, triết học hiện thời liệu có quá yếu đuối khi phó mặc cho xã hội đi theo những logic “không mấy sáng suốt” của đời sống, mà trong đó “môi trường nào, con người ấy” chỉ là một trong nhiều logic ứng xử chưa phải là quá tệ của các quan hệ xã hội hiện đại? Hay chính vị thế của triết học đã đổi thay - triết học trong “thế giới phẳng”² không còn trách nhiệm phải *chi phối, điều tiết và khi cần thì quyết định hoàn cảnh* như trước kia nữa?

Vấn đề đặt ra không quá phức tạp về phương diện học thuật. Nhưng trong thực tiễn, đa số những phân tích lý luận để kiến giải vấn đề lại thường thiên lệch và không đủ rõ ràng nên không mấy thuyết phục. Hàng chục năm nay, nếu kể từ Alvin Toffler với lý thuyết về “tâm quyền” và “xã quyền” (Sociosphere và Psychosphere³), hay gần một trăm năm nay nếu kể từ Max Weber với lý thuyết về “vai trò của Đạo đức Tin Lành” (Protestant Ethic on Spirit of Capitalism⁴), người ta vẫn thấy đây rẫy những hiện tượng xã hội, kể cả không ít tư tưởng của những “bộ óc vĩ đại” vẫn bị dẫn dắt bởi “cái tất yếu mù quáng”⁵. Con người hiện đại có vẻ như ngày càng làm chủ được hoàn cảnh, nhưng nếu nói ngược lại thì cũng chưa chắc đã sai: thực ra con người lệ thuộc vào môi trường ngày một nhiều hơn.

1.2. Dễ dàng thấy rằng, nói đến *môi trường, vấn đề môi trường, hay bảo vệ môi trường*, ngày nay, người ta thường hiểu là *môi trường tự nhiên*. Hầu hết các định nghĩa về *môi trường* đều là định nghĩa *môi trường tự nhiên*.

Khi dùng khái niệm *môi trường* trong lĩnh vực hoạt động xã hội và phát triển con người, nghĩa là khi phân tích ảnh hưởng của môi trường đến đời sống của các chủ thể như cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng, đặc biệt khi gắn với các đặc trưng xã hội và nhân cách, người ta lại thấy thiếu hụt nếu không coi toàn bộ đời sống xã hội phong phú và phức tạp bên ngoài (các chủ thể đó) cũng chính là môi trường có ảnh hưởng và thường quy định, thậm chí quyết định diện mạo, bản chất và xu hướng biến đổi của mỗi chủ thể. Cá nhân nào cũng ít nhiều là sản phẩm của một xã hội, nghĩa là được tạo ra từ một hệ thống, một cơ chế xã hội nhất định. Xã hội nào cũng để dấu ấn lên đời sống cá nhân, dù là dấu ấn tích cực hay tiêu cực.

Trong những trường hợp như vậy, khái niệm môi trường xã hội và môi trường văn hoá xuất hiện. So với môi trường xã hội⁶, khái niệm môi trường văn hoá thường được dùng với nghĩa kém xác định hơn, với ngoại diên là toàn bộ đời sống con người và nội hàm là mặt văn hoá, hay khía cạnh văn hoá; nghĩa là gần như trùng với khái niệm môi trường xã hội về mặt phạm vi, chỉ khác ở khía cạnh xem xét là văn hoá. Rất ít khi môi trường văn hoá chỉ được hiểu gồm các hoạt

động thuần túy văn hoá. Trong khi đó, các khái niệm khác thuộc môi trường xã hội lại được sử dụng theo nghĩa hẹp hơn và có phần chặt chẽ hơn, chẳng hạn, môi trường pháp lý, môi trường kinh tế, môi trường giáo dục, môi trường đạo đức... (cách hiểu này có ở nhiều ngôn ngữ).

Đây là điểm cần lưu ý khi sử dụng khái niệm *môi trường văn hoá*. Thực tế nghiên cứu tâm lý học, xã hội học, nhân học (anthropological)... cho thấy, *môi trường văn hoá* là công cụ lý thuyết khá hữu hiệu để xem xét điều kiện bên ngoài làm nên sự hình thành hay tha hoá nhân cách, sự phát triển hay thụt lùi của cá nhân, sự tiến bộ hay lạc hậu của nhóm xã hội hoặc cộng đồng.

Theo chúng tôi, các mặt của đời sống con người như phong tục, tập quán, lối sống, xu hướng đạo đức, ý thức pháp quyền, mặt bằng dân trí, tính năng động hay mức độ bảo thủ của một xã hội... được xem là điều kiện, là cơ sở, là hoàn cảnh cho sự hình thành nhân cách, phát triển cá nhân, phát triển nhóm hoặc cộng đồng... thì đó chính là môi trường văn hoá. Có nghĩa là, những nội dung cần phải quan tâm khi đặt vấn đề về *môi trường văn hoá*, hầu hết đều là những nội dung quen thuộc với các lý thuyết xã hội - nhân văn. Bởi lẽ, cái đóng vai trò là điều kiện, là cơ sở, là môi trường cho sự hình thành nhân cách, phát triển cá nhân, phát triển nhóm hoặc cộng đồng chắc chắn là cái mà mỗi xã hội từ lâu đều đã phải quan tâm giải quyết. Tuy vậy, việc đặt vấn đề về môi trường văn hoá như một công cụ lý thuyết có ý nghĩa của nó. Nếu *môi trường tự nhiên* là tập hợp các yếu tố bên ngoài *hệ thống xã hội - con người* làm thành *điều kiện cần* cho hệ thống đó tồn tại và phát triển, thì *môi trường văn hoá* là tập hợp các yếu tố bên trong *hệ thống xã hội - con người* làm thành *điều kiện đủ* cho mỗi tiểu hệ thống của hệ thống đó định hình và tiến bộ.

Điểm cốt lõi của việc đặt vấn đề về môi trường văn hoá là ở chỗ, trong sự phát triển năng động và phong phú của đời sống con người, môi trường văn hoá có ảnh hưởng như thế nào, quy định những gì và quyết định đến đâu đối với hành vi, thái độ, ý thức và bản chất của mỗi người và cộng đồng. Tại sao ở một số cộng đồng được thừa nhận là có phẩm chất thông minh, có kỹ năng giao tiếp khôn khéo, có tiềm năng sáng tạo dồi dào và có cả cơ hội thuận lợi nữa... vậy mà lại vẫn rất hiếm xuất hiện những phát minh, phát kiến và sáng tạo, đặc biệt là những phát kiến, sáng tạo có giá trị lớn? Cơ chế nào của hoàn cảnh có thể làm biến dạng mọi yếu tố du nhập ngoại lai: không ít cái hay, cái tốt tiếp thu từ bên ngoài tại sao lại trở thành cái vô dụng hoặc méo mó khi ứng dụng vào những cộng đồng văn hoá khác, đặc biệt những cộng đồng văn hoá có bề dày truyền thống? Tại sao khá nhiều cá nhân chỉ trở thành người "đáng giá" khi sống và làm việc bên ngoài cộng đồng xuất thân của họ?... Những câu hỏi này là "đất mứa vỡ" của lý thuyết môi trường văn hoá.

Đặt vấn đề về môi trường văn hoá còn một chiều khác nữa: nếu như môi trường văn hoá có ảnh hưởng lớn đến mỗi người và cộng đồng, thì ngược lại, mỗi

người và cộng đồng có vai trò gì và có trách nhiệm đến đâu trong việc tạo ra môi trường văn hoá bình thường (hay lý tưởng) cho sự phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển tự do của mỗi cá nhân nói riêng? Đành rằng, hệ thống nào, cơ chế nào thì cá nhân ấy, nhưng cá nhân chẳng bao giờ thuần túy chỉ là sản phẩm thụ động của cơ chế. Ngày nay, vai trò cá nhân còn có ý nghĩa lớn như trước kia đối với việc cải tạo hoặc thay đổi môi trường văn hoá hay không? Khả năng làm thay đổi hệ thống và cơ chế, thay đổi môi trường văn hoá bên ngoài (chủ thể) trong điều kiện toàn cầu hoá cũng là điều mà lý thuyết về môi trường văn hoá cần phải hướng tới.

Như vậy, tuy những nội dung chi tiết của vấn đề *môi trường văn hoá* thì không hẳn mới, nhưng việc sử dụng lý thuyết *môi trường văn hoá* rõ ràng là một cách kiến giải mới, một phương án tư duy mới về những vấn đề quen thuộc. Và, ý nghĩa của việc đặt vấn đề về môi trường văn hoá chính là ở đây.

2. Về môi trường văn hoá ở Việt Nam

Cho đến nay, trong khoa học xã hội Việt Nam, gần như chưa có một nghiên cứu nào thật toàn diện và đủ sâu sắc để xác định và đánh giá thực trạng toàn bộ môi trường văn hoá Việt Nam giai đoạn hiện nay. Những tác phẩm, bài viết đã công bố thường không có trách nhiệm phải đi tới một kết luận bài bản về hệ thống môi trường văn hoá hiện có, nên những gì đã nói thường không tránh khỏi những phân tích cảm nhận, những đánh giá cục bộ, hoặc những phác thảo có phần chủ quan khi nhân tiện bàn đến những vấn đề văn hoá - xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu và chứng kiến sự phát triển khá nhanh của đời sống xã hội Việt Nam vài thập niên gần đây, bài viết này xin cố gắng gợi mở một cái nhìn tổng thể về môi trường văn hoá Việt Nam - một đất nước còn nghèo nhưng có chỉ số tuổi thọ, chỉ số giáo dục khá cao này⁷.

Ở bình diện chung nhất, chúng tôi cho rằng, với quá trình hơn 20 năm chủ động chấp nhận toàn cầu hoá, tích cực gia nhập các thể chế kinh tế thị trường và sẵn sàng hội nhập vào đời sống quốc tế, *chưa bao giờ môi trường văn hoá ở Việt Nam phong phú, phức tạp và có nhiều tiềm ẩn như hiện nay. Đó là hệ thống những hiện tượng và quan hệ văn hoá - xã hội đa dạng, đa chiều và năng động, đủ để nuôi dưỡng mọi ý tưởng tốt đẹp, kích lệ mọi lợi thế trong phát kiến, sáng tạo, nhưng cũng đủ thách thức và cám dỗ khiến cho bất cứ cá nhân, gia đình, cộng đồng nào cũng phải cảnh giác trước nguy cơ lạc lối hoặc sai lầm. Có thể lý giải chi tiết hơn về nhận định này như sau:*

2.1. Về phương diện tư tưởng - lý luận: Ở Việt Nam, trong khi khẳng định giá trị của chủ nghĩa Mác, đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, luận thuyết của M. Weber về văn hoá đóng vai trò là nhân tố quyết định từ bề sâu cấu trúc xã hội, lý luận của Alvin Toffler về các làn sóng văn minh, quan điểm của Teilhard de Chardin về nhân học và của UNDP về con người là trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội, quan điểm của

Carl Popper về *xã hội mở*, quan điểm của Samuel Huntington về *sự đung độ của các nền văn minh*, quan niệm của Mahathir Mohamad cùng các nhà tư tưởng châu Á khác về vai trò của *các giá trị châu Á trong sự phát triển xã hội hiện đại*, quan niệm của T. Friedman về *thế giới phẳng* và *toàn cầu hoá*... đều là những quan điểm, những luận thuyết không hề xa lạ đối với giới nghiên cứu nói riêng và trí thức Việt Nam nói chung. Một vài lý thuyết trước kia bị e ngại, thậm chí đôi khi bị cố tình lãng quên, nay đã có thể tìm được vị trí của mình trong đời sống tinh thần xã hội. Những hiện tượng mới trong lý luận thế giới như quan điểm về *kinh tế tri thức*, về *xã hội thông tin*, các quan niệm về *toàn cầu hoá*, quan điểm về *phát triển con người và bộ công cụ HDI*, về *môi trường và phát triển bền vững*, về *vốn con người* và *vốn xã hội*... đã nhanh chóng được phổ biến, tiếp thu và được nghiên cứu ứng dụng ở Việt Nam. Một số tác phẩm được coi là “hiện tượng” đối với thế giới như cuốn *Hồi ký Nhìn lại quá khứ: tấn thảm kịch và bài học về Việt Nam* của Robert McNamara (1995), *Thế giới phẳng* của Thomas Friedman (2006), hay một số ấn phẩm có giá trị của Ngân hàng Thế giới, của UNDP, của UNESCO... được xuất bản tiếng Việt gần như đồng thời (trong cùng một năm) với bản gốc. Chúng tôi muốn nói rằng, đây là một hiện tượng mới của đời sống tinh thần xã hội ở Việt Nam, mà trước đây chưa bao giờ cập nhật được như thế. Bên cạnh việc phổ cập các chương trình truyền hình quốc tế, các thông tin trên mạng Internet, các sản phẩm nghe nhìn từ các phương tiện truyền thông đại chúng, việc đa dạng hoá, cập nhật hoá các thông tin ở trình độ tư tưởng, lý luận có ý nghĩa đặc biệt đối với môi trường văn hoá nói chung.

Dĩ nhiên, vẫn có những vùng cấm và dòng thông tin không phải lúc nào cũng thông suốt như nó phải thế. Điều này, đa phần xảy ra là do ngẫu nhiên hoặc do những tình huống bất khả kháng - ở nước nào cũng thế, những thông tin có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, những lý luận cực đoan hoặc nhạy cảm về tâm lý dân tộc và tôn giáo, những quan điểm gây phương hại đến lợi ích dân tộc... đều phải được kiểm soát. Ở Việt Nam, điều đáng ngại hơn nằm ở chỗ khác: môi trường văn hoá về lĩnh vực tư tưởng - lý luận tuy phong phú, đa dạng, đa chiều nhưng mới chỉ dừng ở trình độ hạn chế. Tất cả các lý thuyết kể trên đều chưa được xã hội biết đến một cách sâu sắc. Ngay ở các trường đại học và các viện nghiên cứu có uy tín cũng rất hiếm những chuyên gia thực sự tâm cỡ về các lý thuyết, quan điểm nói trên. Đây là điều còn non yếu, bất cập của khu vực lý luận, làm ảnh hưởng đến trình độ của đời sống tinh thần xã hội và trình độ của môi trường văn hoá nói chung.

2.2. Về phương diện kinh tế - xã hội: Nền kinh tế Việt Nam ngày nay tuy đang vận hành theo cơ chế thị trường với những đòi hỏi khắt khe của toàn cầu hoá, buộc phải đáp ứng yêu cầu của những định chế xuyên quốc gia, và đã gia nhập WTO, nhưng vẫn bị coi là chưa kết thúc giai đoạn *chuyển đổi*. Một thực thể kinh tế như vậy đã tạo ra trong lòng nó những hiện tượng, những hoạt động phức tạp đan xen nhau mà ở các nền kinh tế thuần nhất không có. Điều này là môi trường

vừa tích cực vừa tiêu cực về phương diện văn hoá đối với các hoạt động kinh tế - xã hội. Hiện nay ở Việt Nam, nhiều hoạt động của kinh tế thị trường đã định hình và phát triển, song cũng còn một số hình thức chỉ mới đang hình thành hoặc còn sơ khai. Thị trường thực sự văn minh thì đang rất thiếu, nhưng những hiện tượng không lành mạnh, tiêu cực, thậm chí mafia tồn tại đây đó trong các nền kinh tế bên ngoài thì đã thấy có mặt ở Việt Nam. Kinh tế nhà nước được coi là đóng vai trò chủ đạo, song thực lực còn chưa đủ mạnh và vẫn kém hiệu quả. Công ty đa quốc gia nhưng vẫn hưởng lợi từ chính sách ưu đãi quốc gia. Làm thuê đơn giản tồn tại song song với sản xuất lớn, với kinh tế tri thức. Di chứng bao cấp vẫn còn tác dụng trong một số hoạt động kinh tế. Nghèo đói giảm mạnh, thậm chí được thế giới đánh giá rất cao nhưng phân cực giàu nghèo lại tăng lên⁸. Hiện tượng lãng phí, tham nhũng xuất hiện ở nhiều nơi. Báo chí thời gian gần đây đã nói khá nhiều về những hiện tượng xấu trong nền kinh tế. Vấn đề là ở chỗ, môi trường văn hoá như vậy trong hoạt động kinh tế đủ chỗ cho mọi kiểu tư duy kinh tế lành mạnh bén rễ và phát triển, nhưng cũng đủ kẽ hở nuôi dưỡng mọi dạng không lành mạnh trong hoạt động trục lợi. Làm ăn chân chính, dựa vào chữ tín để sinh lợi tồn tại bên cạnh các hành vi lừa bịp, gian dối. Trong khi có những doanh nhân ngày đêm bị thôi thúc bởi trách nhiệm cá nhân trước thực trạng yếu kém của kinh tế Việt Nam trên thương trường quốc tế, thì vẫn có những người, thậm chí những người có trách nhiệm cao trong khu vực kinh tế nhà nước và tư nhân chỉ biết vụ lợi và bất chấp lợi ích quốc gia⁹. “Trong lúc người Việt Nam ở nước ngoài chắt chiu một cách khó nhọc từng đồng gửi về Tổ quốc thì có công chức lại cá độ hàng triệu USD gửi ra nước ngoài”¹⁰. Tham nhũng, buôn bán phụ nữ xuyên quốc gia, biển thủ cả tiền cứu trợ, lừa đảo cả người lao động lẫn quan chức chính phủ... ngang nhiên tồn tại bên cạnh những hiện tượng lành mạnh làm lợi cho người lao động và cho xã hội.

Cơ chế kinh tế như vừa nói là đầu mối của một môi trường văn hoá đa dạng và phức tạp mà các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đang dày công mổ xẻ.

2.3. Về phương diện đời sống tinh thần xã hội: Chúng tôi muốn đề cập đến trạng thái tinh thần chủ đạo của xã hội khi nhìn nhận và đánh giá sự phát triển của đất nước giai đoạn hiện nay, xin tạm sử dụng khái niệm của Alvin Toffler, khái niệm “Tâm quyền” (Psychosphere), dùng để chỉ trạng thái tâm lý - tinh thần chung của xã hội, trạng thái phổ biến nhất, thuộc về số đông, có sức chi phối, cuốn hút toàn bộ sự vận động của đời sống tinh thần xã hội, ứng với mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Với nội hàm quy ước như thế, tâm quyền ở xã hội Việt Nam hiện nay có thể nói là một dạng tâm quyền hoàn toàn mới, được hình thành và xuất hiện từ cuối những năm 90 (thế kỷ XX), khi đất nước đã lùi xa khỏi chiến tranh, đã ra khỏi giai đoạn khủng hoảng, đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội “to lớn và có ý nghĩa” sau hơn 20 năm Đổi mới, đang đứng trước những vận hội mới, mà nhiều người thường gọi là “thời cơ vàng”¹¹ của sự phát triển, khiến mỗi

thành viên xã hội ít nhiều đều buộc phải bày tỏ thái độ. Theo chúng tôi, tâm quyền ở xã hội Việt Nam hiện nay chủ yếu là tích cực, lạc quan, nhưng trong xã hội vẫn có luồng ý kiến trái ngược với nó, tức là vẫn có những tâm trạng hoài nghi, lo lắng và đôi khi là bi quan về sự phát triển. Trước hết xin được nói về luồng ý kiến trái chiều này.

Dù không chiếm đa số, nhưng vẫn có một cái nhìn hoài nghi, bi quan ở một số người, đáng chú ý là trong đó có những chuyên gia, những nhà hoạt động xã hội lo ngại Việt Nam sẽ tụt hậu xa hơn so với thế giới và các nước trong khu vực. Ở mức độ nhẹ nhàng hơn, một vài tác giả nghi ngờ lập luận của những người khẳng định Việt Nam đang đứng trước “thời cơ vàng” của sự phát triển¹².

Chẳng hạn, theo tính toán của một số chuyên gia IMF, GDP/đầu người của Việt Nam năm 2005 là 552 USD. Nếu đặt giả thiết, các nước thu nhập cao hơn ở ASEAN ngừng phát triển và Việt Nam vẫn cứ tăng trưởng như hiện nay, thì cũng phải mất 5 năm Việt Nam mới đuổi kịp Indonesia và Philippines, 20 năm để đuổi kịp Thái Lan, 24 năm để đuổi kịp Malaysia, 38 năm để đuổi kịp Brunei và 40 năm để đuổi kịp Singapore. Còn nếu các nước ASEAN chỉ cần vẫn cứ tăng trưởng với tỷ lệ như 10 năm qua, Việt Nam sẽ mất 18 năm để đuổi kịp Indonesia, 34 năm để đuổi kịp Thái Lan và 197 năm để đuổi kịp Singapore¹³. Mặc dù đây là con số so sánh thuần túy “cơ học” và xã hội phát triển dĩ nhiên không máy móc như thế, nhưng sự so sánh này dẫu sao vẫn có ý nghĩa cảnh báo, làm giật mình những quan niệm quá lạc quan.

Có ý kiến khác lại cho rằng, với khoản đầu tư nước ngoài vào Việt Nam như hiện nay, đáng ra nền kinh tế Việt Nam phải tăng trưởng cao hơn 7 - 8%/năm. Sự tăng trưởng hiện có chỉ là *tăng trưởng ảo* chứ chưa phải là *phát triển*. Đó là “ảo giác tăng trưởng”¹⁴. Nếu ảo giác này không phải chỉ là sản phẩm của sự tưởng tượng, thì rõ ràng nó sẽ dần dần trở thành rào cản đối sự phát triển, và khó tránh khỏi là một nguyên nhân dẫn đến nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn.

Tại phiên họp ngày 21/10/2006, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XI, ông Nguyễn Bá Thanh, bằng con số cụ thể, đã chỉ ra bức tranh đáng ngại của nền kinh tế Việt Nam: Năm 2006, tổng sản phẩm trong nước ước đạt 8,2%, tương đương 60 tỷ USD. Tổng thu ngân sách cả nước xấp xỉ 16 tỷ USD, trong khi ngân sách đã bội chi 3 tỷ USD (tổng chi khoảng 19 tỷ USD), gần 5% GDP (ngưỡng an toàn). Trong khi đó Nhà nước nợ dân qua bán trái phiếu và một số hình thức khác khoảng 22 tỷ USD, nợ nước ngoài gần 20 tỷ USD. Ông Nguyễn Bá Thanh hài hước bình luận: "Một bức tranh kinh tế như thế mà nói rằng đến năm 2025 Việt Nam sẽ đứng thứ 16 trên thế giới thì tôi rất nghi ngờ, gắng sống thêm 19 năm nữa coi ta đứng thứ bao nhiêu?".

Dĩ nhiên, ông Nguyễn Bá Thanh không bi quan, song tham luận của ông đã chỉ rõ điểm bất cập, cách nhìn nhận giản đơn, khi phần đông chỉ thấy sự phát triển của đất nước và của nền kinh tế theo chiều hướng lạc quan¹⁵.

Cái nhìn bi quan còn xuất phát từ thực trạng của nền giáo dục mà gần đây báo chí lên án một cách gay gắt. Mặc dù thành tựu giáo dục của Việt Nam được không ít chuyên gia nước ngoài đánh giá khá cao. Song với trí thức trong nước, đặc biệt các trí thức đầu ngành, thực trạng giáo dục Việt Nam lại là một bức tranh quá tẻ: cơ chế thi cử bất cập, tình trạng dạy thêm, học thêm vô nguyên tắc, nạn tiêu cực tràn lan từ cấp tiểu học đến sau đại học; đã rất khó kiểm soát được chất lượng thực của sản phẩm giáo dục - con người, những con người sẽ làm chủ tương lai. Không bằng lòng với những lời khen ngợi của WHO về thành tích chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, về việc nâng cao được tuổi thọ toàn dân, về các giải pháp kiểm soát có hiệu quả dịch cúm gà, về khả năng khống chế được căn bệnh SARS..., rất nhiều người vẫn lo lắng cho môi trường văn hoá trong hệ thống y tế ở Việt Nam: cơ sở hạ tầng y tế yếu kém, giá thuốc chữa bệnh không kiểm soát được, tình trạng xuống cấp đạo đức đã phá vỡ quan hệ bình thường giữa bác sỹ và người bệnh. Có những tiêu cực nằm ngoài tưởng tượng của nhiều người. Cùng với giáo dục và y tế là các hoạt động văn hoá, khoa học, nghệ thuật, xuất bản, du lịch, giao thông, môi trường, các hoạt động an sinh xã hội... Xin không nêu thêm những hiện tượng trái chiều, các tệ nạn xã hội ở các hoạt động này vì báo chí đã nói gần như hàng ngày (Riêng trong lĩnh vực an toàn giao thông, năm 2006 cả nước có tới 12.300 người là nạn nhân của các vụ tai nạn; từ đầu 2007 đến nay, bình quân mỗi ngày có 33 trường hợp tử vong vì tai nạn giao thông. Một số chuyên gia WHO gọi đây là *đại dịch quốc gia* của Việt Nam¹⁶).

Tâm trạng lo ngại là có thật: khả năng gặp tiêu cực, xác suất rơi vào cái xấu rình rập hàng ngày. Nỗi lo con cái hư hỏng, gặp phải người xấu, gặp không may ngoài đường... là nỗi lo thường trực của nhiều bậc cha mẹ. Một bộ phận thanh niên cũng thể hiện ra là một lớp người mang các giá trị văn hoá thấp hẳn so với thế hệ trước. Đến mức có người đã cảm thấy lớp trẻ ngày nay coi ứng xử một cách tiêu cực là lẽ dĩ nhiên, là điều bình thường của mọi giao tiếp xã hội¹⁷. Nếu số đông lớp trẻ ngày nay thực sự suy nghĩ và ứng xử như vậy, thì quả thực đây là điều nguy hiểm.

Không thể nói thái độ bi quan hoặc lo lắng cho môi trường văn hoá như vừa nêu là thiếu cơ sở. Nếu chỉ nhìn vào những hiện tượng đó người ta buộc phải nghi ngờ liệu tương lai có chắc chắn tốt đẹp hơn.

Tuy nhiên, nhìn từ một phía khác, tâm thế phát triển chủ đạo của xã hội ngày nay lại đúng là tâm thế tích cực, lạc quan. Và đây là môi trường văn hoá đặc biệt quan trọng. Không thể phủ nhận tâm quyền ở Việt Nam, hơn lúc nào hết, hiện

đang đặc biệt tích cực và năng động. Năm 2006, với những thành tựu phát triển ấn tượng, cùng một loạt sự kiện quốc gia có ý nghĩa, vị thế của Việt Nam đã được hầu hết các nước, các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực. Không khí hồ hởi, tin ở tương lai là không khí chủ đạo ở đa số các tầng lớp cư dân.

Rất nhiều người nhìn thời điểm hiện nay như là cơ hội có một không hai, là “cơ hội vàng” cho sự cất cánh của đất nước và sự thành đạt của mỗi gia đình, cộng đồng¹⁸. Tâm thế này đương nhiên là hệ quả nảy sinh từ sự phát triển hiện thực của đất nước, nhưng hơn thế, tâm thế này lại nhận được cổ vũ bởi cái nhìn thiện cảm và tích cực từ bên ngoài¹⁹. Xin được trích vài nhận xét của những người nước ngoài đã từng sống và làm việc tại Việt Nam.

Chẳng hạn, Klaus Rohland, đại diện WB tại Việt Nam cho rằng: “Việt Nam là câu chuyện về một thành công lớn. Có thể khẳng định, ngoài Trung Quốc, Việt Nam là nền kinh tế phát triển thành công nhất thế giới. Đáng chú ý hơn là Việt Nam đạt được kết quả này khi chưa trở thành thành viên WTO”²⁰.

Joanathan Wagh, chủ tịch một công ty của Đức, người đã sống ở Việt Nam hơn 10 năm nhận xét: “Nhìn chung, người Việt Nam rất cởi mở và muốn hiểu biết nhiều hơn về các nền văn hoá khác. Ngoài ra họ được đào tạo tốt và rất thông minh. Trong trường, họ được dạy là phải theo một kỷ luật rất chặt chẽ, vì vậy tư duy giải quyết vấn đề của họ bị bó hẹp. Nhưng nhiều người Việt Nam có khả năng nhanh chóng khắc phục được nhược điểm này, nếu họ được hướng dẫn. Và ai mà làm được điều này thì khó mà đánh bại được do họ có sự phối hợp giữa hiểu biết và kiến thức chuyên môn”²¹.

Mac Lachlan, Phó Đại sứ Anh, sau nhiều năm làm việc tại Hà Nội đã coi điều mà ông ấn tượng nhất là: “Người Việt Nam có tinh thần học hỏi ghê gớm”. Theo ông, nhiều nước châu Âu và châu Á muốn hợp tác với Việt Nam là vì điểm này²².

Địch Côn, nhà nghiên cứu thuộc Viện Quan hệ Quốc tế Trung Quốc cho rằng, “Việt Nam trở thành cường quốc ở Đông Nam Á chỉ còn là vấn đề thời gian”. Nguyên nhân, theo Địch Côn, Việt Nam hiện nay có ba ưu thế. Thứ nhất, có mô hình phát triển phù hợp; Thứ hai, có chính trị và xã hội ổn định; Thứ ba, dân tộc Việt Nam có chí tiến thủ mạnh mẽ với 82 triệu dân mà kết cấu dân số lại có đến 2/3 là những “con hổ non - những người trẻ tuổi”. Do vậy, ông nhận xét: “Có thể thắng, có thể trảm, nhưng với lòng tự tôn mạnh, Việt Nam sẽ không chịu thấp kém”²³.

Không chỉ Địch Côn, Richard Quest, và khá nhiều học giả nước ngoài khác, mà ngay cả Tổng thống G. Bush cũng đã sử dụng hình ảnh *Con hổ châu Á* để nói về Việt Nam. Khi tham dự Hội nghị APEC Hà Nội 11/2006, Tổng thống G. Bush nhận định, Việt Nam “là một con hổ trẻ” (young tiger) và tôi rất ấn tượng về sự phát triển này”²⁴. Điều chúng tôi muốn lưu ý là, ngay cả sau sự kiện tiêu cực ở PMU 18, cái nhìn thiện cảm đối với sự phát triển của Việt Nam cũng không hề vì thế mà

suy giảm như dự báo của một số chuyên gia. Hilary Benn, Bộ trưởng Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh – người có quan điểm cứng rắn trong việc gắn viện trợ với chống tham nhũng – cũng phải thừa nhận, Việt Nam đã làm được nhiều việc đáng ngạc nhiên, nhất là xoá đói giảm nghèo, cải thiện cuộc sống cho người dân. Chính điều đó đã khiến ông quyết định ký một Viện trợ hợp tác với Việt Nam vào trung tuần tháng 9/2006²⁵. Rõ ràng, không phải tất cả mọi lời khen của các học giả nước ngoài đều là “ngoại giao”, đều là kém căn cứ.

Thêm một chi báo nữa có thể được chọn làm căn cứ đánh giá môi trường văn hoá ở Việt Nam: giữa năm 2006, NEF (New Economics Foundation), một tổ chức nghiên cứu xã hội có uy tín ở Anh đã đánh giá chỉ số hạnh phúc (HPI) của 178 nước trên thế giới tính đến thời điểm đó. Điều thú vị là, NEF đã đo đạc và xếp Việt Nam đứng thứ 12 trong số 178 nước với chỉ số hạnh phúc tổng hợp là 61,2, trên cả Trung Quốc (31/178), Thái Lan (33/178), Italia (66/178), Nhật Bản (95/178), Mỹ (108/178) và hơn 160 nước khác. Theo chỉ số này, *hạnh phúc của mỗi cộng đồng được đo bằng số năm trong vốn tuổi thọ mà con người cảm thấy hài lòng với cuộc sống của mình trên cơ sở tính toán điều này có phù hợp với điều kiện tài nguyên tự nhiên được phép tiêu dùng hay không*. Nghĩa là, hạnh phúc không nhất thiết đi liền với trình độ giàu - nghèo, hay mức độ phát triển - kém phát triển, hạnh phúc trước hết là mức độ con người hài lòng với cuộc sống của mình²⁶.

Dường như có vẻ thiếu thuyết phục khi Việt Nam lại được coi là hạnh phúc hơn cả Mỹ và Nhật Bản, điều này có thể phải bàn luận thêm. Nhưng ở đây, trên bình diện môi trường văn hoá, chúng tôi muốn khai thác kết quả nghiên cứu của NEF về mức độ hài lòng của người Việt Nam với cuộc sống hiện tại của mình. 61,2% cư dân Việt Nam thừa nhận là hạnh phúc, nghĩa là hài lòng với cuộc sống hiện tại, theo chúng tôi, là con số có thể tin được. Con số này càng trở nên quý giá hơn nếu lưu ý mức lý tưởng trong điều kiện hiện nay là quốc gia nào đó có 83,5% chứ không phải 100% cư dân hài lòng với cuộc sống của mình (nước xếp thứ 1/178 về chỉ số hạnh phúc là quốc đảo Vanuatu, nhưng chỉ số cũng mới chỉ là 68,2, còn xa mới đạt tới 83,5).

Và cuối cùng, một chi báo khác, tuy phạm vi và thời gian khái quát có hẹp hơn so với quy trình nghiên cứu chỉ số hạnh phúc của NEF, nhưng cũng hoàn toàn xứng đáng được chọn làm căn cứ đánh giá môi trường văn hoá ở Việt Nam. Cuối năm 2006, Viện Gallup International (GIA, một tổ chức nghiên cứu xã hội học) đã khảo sát mức độ lạc quan và bi quan của dân chúng tại 53 nước trên thế giới. Kết quả là người Việt Nam hoá ra dẫn đầu thế giới về mức độ tin tưởng vào tương lai. Trong gần 49.000 người tại 53 nước được hỏi, chỉ có 43% tin rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn, trong đó, Việt Nam: 94% tin tưởng vào tương lai, Hồng Kông: 74%, Trung Quốc: 73%, Ghana: 68%, Nigeria: 66%, Thái Lan: 53%, Singapore: 52%. Những nước có số người bi quan nhiều nhất khi nhìn về tương lai là Ấn Độ: 32%, Indonesia: 33%, Philippines: 34%, Iraq: 43%, và Hi Lạp: 44%²⁷.

Dĩ nhiên, những nghiên cứu nói trên không phải đã tuyệt đối thuyết phục. Khi nghe người bên ngoài ca ngợi Việt Nam hạnh phúc hay lạc quan nhất thế giới, thì cũng không ai quên Việt Nam vẫn mới chỉ là nước có GDP rất thấp và nhiều mặt còn cách các nước trong khu vực khá xa. Nhưng, chính điều đó lại càng làm cho việc đánh giá tâm thế phát triển ở Việt Nam trở nên có ý nghĩa hơn.

3. Kết luận

Chưa bao giờ môi trường văn hoá ở Việt Nam lại phong phú và đa dạng, lại năng động và tích cực, lại khích lệ và cảm dỗ, lại có nhiều cơ hội và thách thức... như hiện nay. Có thể nói được như thế với thái độ hoàn toàn nghiêm túc và khách quan. Mức độ phong phú và đa dạng, nhịp điệu năng động và tích cực của môi trường văn hoá Việt Nam hiện đã đủ để nuôi dưỡng mọi ý tưởng tốt đẹp, khích lệ mọi lợi thế trong phát kiến, sáng tạo. Nhưng mặt khác, mặt trái của nó, cũng đủ thách thức và cảm dỗ khiến cho cá nhân, gia đình, cộng đồng phải cảnh giác trước nguy cơ sai lầm.

Nếu nhìn xã hội Việt Nam qua ấn tượng của những hiện tượng tiêu cực và bất cập trong đời sống kinh tế - xã hội, qua dự báo lạnh lùng của quan điểm bi quan về sự phát triển tiếp theo ở Việt Nam, hay qua so sánh với các nước đi trước về một số hiện tượng cụ thể trong hoạt động khoa học, giáo dục và công nghệ... thì có thể có cảm giác là môi trường văn hoá ở Việt Nam đang tích tụ những điều đáng phải lo ngại. Đa dạng và đa chiều nhưng có tình trạng cản trở nhau, mâu thuẫn với nhau, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau... trong sự phát triển. Có nhiều nhân tố tốt đẹp và lành mạnh, nhưng cũng lại nuôi dưỡng trong mình nhiều nhân tố không bình thường, xấu xa, thậm chí tệ hại, làm thui chột nhiều tiềm năng, ẩn chứa nhiều thách thức nguy hiểm cho sự phát triển của cá nhân và cộng đồng.

Bởi vậy, sẽ là cực kỳ nguy hiểm nếu chỉ nhìn sự phát triển của xã hội Việt Nam ngày nay với con mắt lạc quan đến mức mất cảnh giác cho rằng, không nhân tố tiêu cực nào có thể cản trở hoặc làm hỏng sự phát triển xã hội. Trong điều kiện toàn cầu hoá, người ta buộc phải tính đến tình trạng một ung nhọt đôi khi có thể tiêu huỷ cả một cơ thể. Thế giới ngày nay rất dễ bị thương tổn, đổ vỡ, hoặc bùng nổ vì những nguyên nhân có thể chỉ là bất ngờ hoặc không tất yếu²⁸. Việt Nam, dĩ nhiên, không nằm ngoài trật tự chung đó.

Nhưng, cũng sẽ là thiên cận hoặc không sáng suốt nếu chỉ nhìn sự phát triển của xã hội Việt Nam ngày nay với con mắt thuần túy bi quan. Môi trường văn hoá ở Việt Nam hiện có không ít nhân tố tiêu cực và không bình thường, thậm chí rất không bình thường. Song nếu biết khống chế một cách sáng suốt, thì phần lớn

những điều bất bình thường và những nhân tố tiêu cực đó, nhiều lắm cũng chỉ đến mức là căn bệnh tất nhiên hay khó tránh của một cơ thể đang phát triển.

Khi nhìn môi trường văn hoá Việt Nam qua lăng kính *tâm thế phát triển* của đại đa số cư dân, qua đánh giá tích cực và có thiện cảm của những chuyên gia nước ngoài, qua số liệu về mức độ lạc quan, hay qua chỉ số hạnh phúc của Việt Nam mà thế giới đã đo đạc và công bố, thì phải thừa nhận, nét chủ đạo của môi trường văn hoá ở Việt Nam hiện nay là tốt đẹp và lành mạnh.

CHÚ THÍCH

- ¹ Xem: Loek Halman – Veerle Draulans (2006), *How secular is Europe?*, The British Journal of Sociology, June, 2006, Vol, 57, N^o: 2. pp. 263 - 288(26); Graham E. Fuller (2003), *Châu Âu già nua hay Mỹ già nua*. Diễn đàn Thông tin quốc tế 12/2/2003; А. Зиновьев (2006). *Что мы теряем? Сегодня западноевропейская цивилизация находится в сеэжерной опасности*. Литературная газета. N^o 11/12, 22-28/3/2006.
- ² “Plat World” thuật ngữ của Thomas L. Friedman chỉ xã hội trong thời toàn cầu hoá. Xem: Thomas L. Friedman, *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- ³ Xem: Alvin Toffler, *Làn sóng thứ ba*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
- ⁴ Xem: Max Weber, *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism*, Routledge Classic Pub., London and New York, 2002.
- ⁵ Khái niệm của F. Engels. Xem: Mác và Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- ⁶ Xem: Alfred Russel Wallace (1913), *Social Environment and Moral Progress*. <http://www.wku.edu/~smithch/wallace/S733.htm>.
- ⁷ UNDP. *Human Developmant Report 2006*: Vietnam: GDP per capita (PPP US\$) 2475; GDP Index 0,55; Life expectancy at birth (years) 70,8; Life expectancy Index 0,76; Education Index 0,89; HD Index 0,709; HDI Rank 109/177.
- ⁸ Tỷ lệ nghèo lương thực, thực phẩm giảm từ 55% năm 1990 xuống còn 7,8% năm 2004, nghèo chung giảm từ 70% năm 1990 xuống còn 24,1% năm 2004, nhưng chênh lệch giàu nghèo lại tăng từ 4,1 lần năm 1990 lên 7 lần năm 1995 tăng, và 8,1 lần năm 2002 và năm 2004. Xem: *Nguy cơ tụt hậu xa hơn vẫn là thách thức lớn*. <http://www.mof.gov.vn>. 31/05/2005.
- ⁹ Lương Bích Ngọc - Hà Yên, *Thảo luận tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XI: “Có những người lên chức chỉ lo kiếm tiền”?*. www.vnn.vn, 18/10/2006.
- ¹⁰ Lôi Lê Đăng Doanh. Xem: Nguyễn Xuân, *ODA: chuyện thế giới, chuyện Việt Nam và PMU 18*, www.mofa.gov.vn, 6/5/2006.
- ¹¹ Xem: Nhiều tác giả, *Tranh luận để đồng thuận*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2006.
- ¹² Chẳng hạn, Trần Thanh Đạm. Xem: Ông Trần Thanh Đạm bình luận cuốn “Thời cơ vàng của chúng ta”, <http://www.vnn.vn> 3/8/2006, 2006.
- ¹³ Il Houng Lee, *Việt Nam đuổi kịp Singapore: cần 197 năm*. www2.dantri.com.vn 16/3/2006.
- ¹⁴ Đài RFA 4/7/2006. Xem: TTXVN: Bản tin 126/TKNB-QT 5/7/2006.

- ¹⁵ Hồng Khánh: *Tổng dư nợ quốc gia đang vượt ngưỡng an toàn*. www.vnn.vn 21/10/2006.
- ¹⁶ Xem: WHO: *Tai nạn giao thông ở Việt Nam đã trở thành đại dịch*. <http://www.voanews.com/vietnamese/2007-04-18-voa9.cfm>.
- ¹⁷ *Khi người trẻ nhìn đời tiêu cực*, www2.dantri.com.vn 6/10/2006.
- ¹⁸ *Thời cơ vàng của chúng ta*, NXB Trẻ và Vietnamnet xuất bản, 2006. Xem bài Nguyễn Trung: *Lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay Việt Nam không có kẻ thù chiến lược, được công nhận đầy đủ và có quan hệ, là đối tác chính thức với tất cả các cường quốc, trở thành một quốc gia xuất khẩu và có quan hệ kinh tế, thương mại với hầu hết các quốc gia*.
- ¹⁹ Xem: *Good morning at lats, Economist.com*. Aug 3, 2006. Thanyathip Seriphama, *Việt Nam sớm bắt kịp Thái Lan*. Vietnamnet 10/02/2006. Klaus Rohland, *Việt Nam - câu chuyện lớn về thành công*, Vietnamnet 30/12/2005. Richard Quest, *Việt Nam có thể trở thành con rồng châu Á*, VietNamNet 23/8/2005.
- ²⁰ *An Interview with Klaus Rohland*. 15 Feb., 2007. <http://go.worldbank.org/ZHWTi23WB0>.
- ²¹ TTXVN. Bản tin số 001/TKNB-QT, 3/1/2006.
- ²² TTXVN. Bản tin số 250 – TKNB-QT, 18/12/2005.
- ²³ TTXVN. Bản tin số 126 – TKNB-QT, 5/7/2006.
- ²⁴ Xem: *Bush chứng kiến sự “phấn khởi ở Việt Nam”*. BBC Vietnamese.com_17/11/2006.
- ²⁵ Hilary Benn đã ký thỏa thuận, theo đó Anh viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 450 triệu USD trong 5 năm: “Thời gian qua Việt Nam đã tiến bộ rất nhiều, với những kết quả đáng kinh ngạc trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo trong vòng 20 năm trở lại đây. Hiện Chính phủ Việt Nam đã công khai với vấn đề tham nhũng. Đây thực sự là bước đi quan trọng, một bước tiến tích cực”. Xem: <http://diendan.edu.net.vn/forums> 22/9/2006.
- ²⁶ Chỉ số HPI (Happy Planet index) được chia từ 0 đến 100. Theo NEF, thang lý tưởng trong điều kiện hiện nay là 83,5. Theo tính toán và công bố của NEF, năm 2006, HPI cao nhất là Vanuatu, một quần đảo ở Thái Bình Dương, HPI = 68,2. Thấp nhất là Zimbabwe Hpi = 16,6. HPI của Việt Nam năm 2006 là 61,2 với chỉ số hài lòng với cuộc sống là 6,1, chỉ số tuổi thọ là 70,5 và chỉ số môi sinh là 0,8. Xem: WWW.Happyplanetindex.org.
- ²⁷ Minh Huy, *Người Việt Nam lạc quan nhất thế giới*, Xem: www.tuotit.com.vn 2/01/2007.
- ²⁸ Chẳng hạn, hai năm nay, thế giới đã chứng kiến những rắc rối chính trị, những xung đột xã hội, thậm chí cả đe dọa trừng phạt kinh tế và tiến hành chiến tranh... do nguyên do chỉ là suy diễn hay kích động từ một hành vi thiếu tính toán của Thủ tướng Italia Silvio Berlusconi, một lời nói bất cẩn của Thủ tướng Anh Tony Blair, một trích dẫn nhạy cảm của Giáo hoàng Benedict XVI, một thái độ thái quá của Tổng thống Grudia Mikhail Saakashvili, hay một bức tranh biếm họa về Hồi giáo...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *An Interview with Klaus Rohland*, 15 Feb., 2007.
<http://go.worldbank.org/ZHWTI23WB0>.
2. *Bush chứng kiến “sự phấn khởi ở Việt Nam”*.
http://www.BBC Vietnamese.com_17/11/2006.
3. Good morning at lats, <http://www.economist.com>. Aug 3, 2006.
4. Friedman, T. L. *Thế giới phẳng, Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
5. Fuller, Graham E. – Graham E. Fuller, *Is Europe or U.S secular?* International forum of Information 12 Feb, 2003.
6. Halman – Loek – Draulans – Veerle (2006), *How secular is Europe?* The British Journal of Sociology, June, 2006, Vol. 57, N^o: 2. pp. 263 - 288 (26).
7. *Hội thảo quốc gia về phát triển bền vững*, Hà Nội, 12/2004.
<http://www.va21.org/hoithao/quocgia/vietnam>
8. Huntington, S. P. *The Clash of Civilizations, Foreign Affairs*, Summer 1993, Vol.72, N^o.3, p. 22-28. www.alamut.com/subj/economics/misc/clash.html.
9. Huntington, S.P., *Sự va chạm của các nền văn minh*, NXB Lao động, Hà Nội.
10. Thu Hương, *Nền kinh tế tri thức: thực hay ảo?* http://www.irv.moi.gov.vn_15/10/2003.
11. *Khi người trẻ nhìn đời tiêu cực*, http://www.dantri.com.vn_6/10/2006.
12. Hồng Khánh, *Tổng dư nợ quốc gia đang vượt ngưỡng an toàn*. www.vnn.vn_21/10/2006.
13. Lee, il Houng, *Việt Nam đuổi kịp Singapore: cần 197 năm*, http://www.dantri.com.vn_16/3/2006.
14. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập, tập 20*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
15. Mahathir – Mohamad, *The asian values debate*, Politics, Democracy and the New asia. Vol. 2, Selected Speeches, Pelanduk Publication, Kuala Lumpur, 2000.
16. *Hội thảo khoa học, Vốn xã hội trong phát triển*, 24/6/2006.
http://www.rced.com.vn_25/07/2006.
17. Minh Huy, *Người Việt Nam lạc quan nhất thế giới*, http://www.tuoitre.com.vn_2/01/2007.
18. Lương Bích Ngọc - Hà Yên, *Thảo luận tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá X. Có những người lên chức chỉ lo kiếm tiền*. http://www.vnn.vn_18/0/2006.
19. *Nhận diện nền kinh tế tri thức*. http://www.chungta.com_10/2/2003.
20. *Nguy cơ tụt hậu xa hơn vẫn là thách thức lớn*. http://www.mof.gov.vn_31/05/2005.

21. Nguyễn Xuân, *ODA: Chuyện thế giới chuyện Việt Nam và PMU 18*, www.mofa.gov.vn 6/5/2006.
22. Nhiều tác giả, *Tranh luận để đồng thuận*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2006.
23. Ông Trần Thanh Đạm bình luận cuốn “Thời cơ vàng của chúng ta”, <http://www.vnn.vn> 3/8/2006.
24. Quest – Richard, *Việt Nam có thể trở thành con rồng châu Á*, <http://www.Vietnamnet> 23/8/2005.
25. Ho Si Quy, *The value and asian Values*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
26. Seriphama – Thanyathip, *Việt Nam sớm bắt kịp Thái Lan*, <http://www.VietNamNet> 10/02/2006.
27. *The Proceeding of The XXI World Congress of Philosophy. Volume IX Philosophical anthropology*. Editor: Stephen Voss. Philosophical Society of Turkey. Ankara, 2006.
28. Tofler – Alvin, *Đợt sóng thứ ba*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
29. *Thời cơ vàng của chúng ta*, NXB Trẻ & Vietnamnet, Hà Nội, 2006.
30. TTXVN. Bản tin 250/TKNB-QT, 18/12/2005; 001/TKNB-QT, 3/1/2006; 126/TKNB-QT, 5/7/2006.
31. UNDP, Human Developmant Report 2006.
32. Max Weber, *The Protestant ethic and the Spirit of Capitalism*, Routledge Classic Pub., London and New York, 2002.
33. Wallace, alfred Russel, *Social environment and Moral Progress*, <http://www.wku.edu/~smithch/wallace/S733.htm>, 1913.
34. WHO: *Tai nạn giao thông ở Việt Nam đã trở thành đại dịch*.
<http://www.voanews.com/vietnamese/2007-04-18-voa9.cfm>.
35. Зиновьев А. *Что мы теряем? Сегодня западноевропейская цивилизация находится в сежсерной опасности*. Литературная газета. №, 11 - 12, 22 - 28/3/2006.